

Bản án số: 95/2023/HS-ST

Ngày: 20/7/2023

NHÂN DÂN NH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hòa;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh.

- T ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng VA Anh - T ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuynh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 79/2023/HSST ngày 25 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/HSST-QĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Anh T, sinh năm: 1978, tại Thành phố H; giới tính: nữ; nơi đăng ký hộ khẩu Tổng trú: 12/12 đường N, phường C, Quận 1, Thành phố H; nơi cư trú: 60 đường số 7A, phường B, quận T, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dA tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thu V; bị cáo có chồng và 02 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/12/2022 - Có mặt.

Bị hại: Bà Huỳnh Thị Hồng A, sinh năm: 1989; địa chỉ: 13 đường số 11 KDC P, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 07/9/2022 Huỳnh Thị Hồng A rủ bị cáo Nguyễn Thị Anh T uống café tại quán Rita Võ trên đường N, Phường 3, Quận 5, Thành phố H. Tại đây, A đề cập muốn làm thủ tục ly hôn nhanh với chồng A là người Đài Loan và hỏi T có mối quan hệ nào giúp A làm thủ tục ly hôn nhanh hay không thì T đồng ý. Đến chiều cùng ngày T gọi điện cho A đưa thông tin giả mạo là có quen một người ở Bộ công an hứa sẽ giúp làm thủ tục ly hôn nhanh với giá 90.000.000 đồng, A đồng ý. Bị cáo T yêu cầu A chuyển trước 70% số tiền; sau khi hoàn thành thủ tục ly hôn sẽ chuyển cho T 30% số tiền còn lại. Đến khoảng 14 giờ ngày 07/9/2022, bà A ở nhà tại địa chỉ: KDC P, phường M, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh dùng tài khoản 0281000588137 – Ngân hàng hàng Vietcombank – Chi nhánh Nam Sài Gòn – Phòng giao dịch P, chuyển số tiền 50.000.000 qua tài khoản số 1903206345560 – Ngân hàng hàng Agribank do bị cáo Nguyễn Thị Anh T là chủ tài khoản. Ngày 12/9/2022 theo yêu cầu của T, A tiếp tục chuyển số tiền 10.000.000 đồng qua tài khoản của T là đủ số tiền 70% như thỏa thuận ban đầu. Ngày 04/10/2022 gần tới ngày hẹn làm xong thủ tục, T tắt điện thoại, chặn liên lạc với bị hại Huỳnh Thị Hồng A. Ngày 26/10/2022 bà Huỳnh Thị Hồng A đến Công an phường P, Quận 7 để trình báo sự việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Nguyễn Thị Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số: 75/CT-VKSQ7 ngày 25/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Anh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Anh T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

Bị hại bà Huỳnh Thị Hồng A đã nhận lại số tiền 60.000.000 đồng, không có yêu cầu bồi thường.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 7, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Nguyễn Thị Anh T dùng thủ đoạn gian dối, không biết làm thủ tục ly hôn với người nước ngoài, nhưng đưa ra thông tin sai sự thật, tạo lòng tin lừa dối đối với bị hại Huỳnh Thị Hồng A và đã chiếm đoạt số tiền 60.000.000 đồng của bị hại.

Do đó, hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện do cố ý, xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, để có tiền tiêu xài, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại để khắc phục toàn bộ hậu quả; bị hại có đơn giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra bị cáo còn là lao động chính trong gia đình hiện nay đang phải nuôi con còn nhỏ (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2018). Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà cho cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 2 Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy

không cần thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo với thời gian thử thách nhất định cũng đủ tác dụng riêng, răn đe và phòng ngừa chung đối với bị cáo và đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Huỳnh Thị Hồng A đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu bồi thường cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với việc Huỳnh Thị Hồng A, gửi tiền để bị cáo Nguyễn Thị Anh T làm thủ tục ly hôn nhanh với chồng A là người Đài Loan. Bị hại A xác nhận mục đích việc đưa tiền là do công việc bận rộn, không có thời gian đi lại, A thỏa thuận với bị cáo T là gửi tiền tàu xe đi lại, tiền công cho bị cáo T khi đi làm thủ tục hồ sơ cho A và đóng tiền lệ phí nộp hồ sơ theo quy định của Nhà nước; không có mục đích gì khác. Nên không đủ cơ sở để xử lý Huỳnh Thị Hồng A về hành vi “Đưa hối lộ” là có căn cứ.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO có số Imei 1: 868574063550755; số Imei 2: 868574063550748 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng bên trong máy) của bị cáo Nguyễn Thị Anh T là công cụ bị cáo sử dụng cho mục đích phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Số tiền 60.000.000 đồng do bị cáo T nộp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại cho bị hại là đúng quy định pháp luật nên không xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Anh T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Anh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Thị Anh T 02 (hai) hai năm tù. Nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Anh T cho Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố H để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Bị cáo Nguyễn Thị Anh T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Anh

T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, bị cáo Nguyễn Thị Anh T có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Anh T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO có số Imei 1: 868574063550755; số Imei 2: 868574063550748 (đã qua sử dụng, không kiểm tra được tình trạng bên trong máy).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 73 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7)

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Thị Anh T).

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (TK. VA Anh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Lê Anh